

LỊCH THI KTHP NGOẠI NGỮ 1, 2, 3 - NGÀY 20/09/2025

STT	Ngoại ngữ	Tên lớp - Giảng viên dạy	Buổi thi	Phòng thi số	Địa điểm dãy B4	Giờ tập trung
1	Tiếng Anh 1.100	Hồ Nguyễn Uyên Thanh	Sáng	1, 2	P.101-B4, P.102-B4	<i>Thí sinh xem số phòng và tập trung trước phòng thi theo khung giờ sau:</i> Phòng 1-10: 6h45' Phòng 11-20: 7h45' Phòng 21-30: 8h45' Phòng 31-40: 9h45' Phòng 41-50: 12h45' Phòng 51-60: 13h45' Phòng 61-70: 14h45' Phòng 71-74: 15h45'
2	Tiếng Anh 1.101	Huỳnh Thị Huỳnh Mai	Sáng	2, 3	P.102-B4, P.103-B4	
3	Tiếng Anh 1.102	Nguyễn Anh Dũng	Sáng	3, 4	P.103-B4, P.104-B4	
4	Tiếng Anh 1.103	Nguyễn Thanh Tâm	Sáng	4, 5, 6	P.104-B4, P.201-B4, P.202-B4	
5	Tiếng Anh 1.104	Phan Phú Cường	Sáng	6, 7	P.202-B4, P.203-B4	
6	Tiếng Anh 1.105	Võ Minh Lâm	Sáng	7, 8	P.203-B4, P.204-B4	
7	Tiếng Anh 1.106	Phan Văn Khuyên	Sáng	8, 9	P.204-B4, P.205-B4	
8	Tiếng Anh 1.107	Nguyễn Ngọc Trinh	Sáng	9, 10, 11	P.205-B4, P.206-B4, P.101-B4	
9	Tiếng Anh 1.109	Đặng Ngọc Thu Thảo	Sáng	12, 13	P.102-B4, P.103-B4	
10	Tiếng Anh 1.92	Nguyễn Hữu Thắng	Sáng	11, 12	P.101-B4, P.102-B4	
11	Tiếng Anh 2.100	Trần Duy Hoài	Sáng	16, 17	P.202-B4, P.203-B4	
12	Tiếng Anh 2.101	Huỳnh Thanh Sang	Sáng	17, 18	P.203-B4, P.204-B4	
13	Tiếng Anh 2.102	Lê Thị Tuyết Mai	Sáng	18, 19	P.204-B4, P.205-B4	
14	Tiếng Anh 2.103	Huỳnh Thanh Sang	Sáng	19, 20	P.205-B4, P.206-B4	
15	Tiếng Anh 2.104	Văn Thị Quỳnh Trang	Sáng	20, 21	P.206-B4, P.101-B4	
16	Tiếng Anh 2.105	Lê Đặng Thơ	Sáng	21, 22, 23	P.101-B4, P.102-B4, P.103-B4	
17	Tiếng Anh 2.106	Lê Đặng Thơ	Sáng	23, 24	P.103-B4, P.104-B4	
18	Tiếng Anh 2.107	Đỗ Nguyễn Ngọc Hiếu	Sáng	24, 25	P.104-B4, P.201-B4	
19	Tiếng Anh 2.108	Bùi Thị Cao Nguyên	Sáng	25, 26	P.201-B4, P.202-B4	
20	Tiếng Anh 2.109	Lê Kỳ Nguyên	Sáng	26, 27, 28	P.202-B4, P.203-B4, P.204-B4	
21	Tiếng Anh 2.110	Trần Thị Cẩm Vân	Sáng	28, 29	P.204-B4, P.205-B4	
22	Tiếng Anh 2.111	Nguyễn Hoàng Phong	Sáng	29, 30	P.205-B4, P.206-B4	
23	Tiếng Anh 2.112	Lê Thị Tuyết Mai	Sáng	30, 31	P.206-B4, P.101-B4	
24	Tiếng Anh 2.113	Trần Thị Cẩm Vân	Sáng	31, 32, 33	P.101-B4, P.102-B4, P.103-B4	
25	Tiếng Anh 2.114	Nguyễn Hữu Thắng	Sáng	33, 34	P.103-B4, P.104-B4	
26	Tiếng Anh 2.115	Nguyễn Thanh Tâm	Sáng	34, 35	P.104-B4, P.201-B4	
27	Tiếng Anh 2.116	Nông Thành Nhơn	Sáng	35, 36	P.201-B4, P.202-B4	
28	Tiếng Anh 2.117	Nông Nhật Bằng	Sáng	36, 37, 38	P.202-B4, P.203-B4, P.204-B4	
29	Tiếng Anh 2.118	Phạm Thị Ngọc Hân	Sáng	38, 39	P.204-B4, P.205-B4	
30	Tiếng Anh 2.92	Văn Thị Quỳnh Trang	Sáng	39, 40	P.205-B4, P.206-B4	

STT	Ngoại ngữ	Tên lớp - Giảng viên dạy	Buổi thi	Phòng thi số	Địa điểm dãy B4	Giờ tập trung
31	Tiếng Anh 2.95	Đặng Ngọc Thu Thảo	Sáng, Chiều	40, 41, 42	P.206-B4, P.101-B4, P.102-B4	Thí sinh xem số phòng và tập trung trước phòng thi theo khung giờ sau: Phòng 1-10: 6h45' Phòng 11-20: 7h45' Phòng 21-30: 8h45' Phòng 31-40: 9h45' Phòng 41-50: 12h45' Phòng 51-60: 13h45' Phòng 61-70: 14h45' Phòng 71-74: 15h45'
32	Tiếng Anh 2.96	Tiểu Ngọc	Chiều	42, 43	P.102-B4, P.103-B4	
33	Tiếng Anh 2.97	Bùi Thị Cao Nguyên	Chiều	43, 44	P.103-B4, P.104-B4	
34	Tiếng Anh 2.98	Bùi Thị Cao Nguyên	Chiều	44, 45	P.104-B4, P.201-B4	
35	Tiếng Anh 2.99	Trịnh Thị Trang	Chiều	45, 46	P.201-B4, P.202-B4	
36	Tiếng Anh 3.26	Trịnh Thị Trang	Chiều	47, 48	P.203-B4, P.204-B4	
37	Tiếng Anh 3.28	Đặng Ngọc Thu Thảo / Tiểu Ngọc Thúy	Chiều	48, 49	P.204-B4, P.205-B4	
38	Tiếng Anh 3.30	Nguyễn Hữu Thắng	Chiều	49, 50	P.205-B4, P.206-B4	
39	Tiếng Anh 3.33	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Chiều	50, 51	P.206-B4, P.101-B4	
40	Tiếng Anh 3.34	Nông Thành Nhơn	Chiều	51, 52, 53	P.101-B4, P.102-B4, P.103-B4	
41	Tiếng Anh 3.36	Lê Kỳ Nguyên	Chiều	53, 54	P.103-B4, P.104-B4	
42	Tiếng Anh 3.37	Nông Nhựt Bằng	Chiều	54, 55	P.104-B4, P.201-B4	
43	Tiếng Anh 3.39	Phan Văn Lĩnh	Chiều	55, 56	P.201-B4, P.202-B4	
44	Tiếng Anh 3.40	Võ Thị Kim Hằng	Chiều	56, 57, 58	P.202-B4, P.203-B4, P.204-B4	
45	Tiếng Anh 3.41	Phan Văn Khuyên	Chiều	58, 59	P.204-B4, P.205-B4	
46	Tiếng Anh 3.42	Đặng Ngọc Thu Thảo	Chiều	59, 60	P.205-B4, P.206-B4	
47	Tiếng Anh 3.43	Phạm Minh Trí	Chiều	60, 61	P.206-B4, P.101-B4	
48	Tiếng Anh 3.44	Nông Nhựt Bằng	Chiều	61, 62, 63	P.101-B4, P.102-B4, P.103-B4	
49	Tiếng Anh 3.45	Phan Văn Lĩnh	Chiều	63, 64	P.103-B4, P.104-B4	
50	Tiếng Anh 3.46	Lê Ngọc Hiếu Hòa	Chiều	64, 65	P.104-B4, P.201-B4	
51	Tiếng Anh 3.47	Lê Ngọc Hiếu Hòa	Chiều	65, 66	P.201-B4, P.202-B4	
52	Tiếng Anh 3.49	Nguyễn Hoàng Phong	Chiều	66, 67, 68	P.202-B4, P.203-B4, P.204-B4	
53	Tiếng Anh 3.52	Nguyễn Ngọc Tấn	Chiều	68, 69	P.204-B4, P.205-B4	
54	Tiếng Anh 3.56	Nguyễn Thị Danh Lam	Chiều	69, 70	P.205-B4, P.206-B4	
55	Tiếng Anh 3.58	Trịnh Thị Trang	Chiều	70, 71	P.206-B4, P.101-B4	
56	Tiếng Trung 1.14	Võ Thanh Bảo	Sáng	13, 14	P.103-B4, P.104-B4	
57	Tiếng Trung 2.12	Trần Thanh Tâm	Sáng	14, 15	P.104-B4, P.201-B4	
58	Tiếng Trung 3.5	Lê Duyên Khánh	Chiều	72, 73	P.102-B4, P.103-B4	
59	Tiếng Trung 3.6	Nguyễn Thị Thúy Liên	Chiều	73, 74	P.103-B4, P.104-B4	





TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI KẾT THÚC HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 1, 2, 3

Ngày 20/09/2025

PHÒNG THI SỐ: 71

- THỜI GIAN THI: 16h00'

- ĐỊA ĐIỂM THI: P.101 - Dãy B4

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI NGOẠI NGỮ

Stt	SBD	MSSV	Họ và tên		Lớp sinh viên	Lớp ngoại ngữ	Ghi chú
1	002064	0024417292	Nguyễn Mỹ	Hoa	ĐHSKHTN24D	Tiếng Anh 3.58	
2	002065	0024416918	Nguyễn Quỳnh	Hương	ĐHQTKD24A	Tiếng Anh 3.58	
3	002066	0024418874	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	ĐHQLC24A	Tiếng Anh 3.58	
4	002067	0024416047	Lê Như	Huỳnh	ĐHCNTP24A	Tiếng Anh 3.58	
5	002068	0024415641	Nguyễn Vũ	Khang	ĐHSKHTN24A	Tiếng Anh 3.58	
6	002069	0024417191	Nguyễn Đăng	Khôi	ĐHQTKD24A	Tiếng Anh 3.58	
7	002070	0024419247	Trịnh Thị Mỹ	Linh	ĐHKT24B	Tiếng Anh 3.58	
8	002071	0024419292	Ngô Văn	Lực	ĐHCNTT24D-IT	Tiếng Anh 3.58	
9	002072	0023412980	Phan Thị Kha	Ly	ĐHGDMN23E	Tiếng Anh 3.58	
10	002073	0023413611	Hà Xuân	Mai	ĐHLUAT23B	Tiếng Anh 3.58	
11	002074	0023411943	Lý Thị Kim	Ngân	ĐHTQ23C	Tiếng Anh 3.58	
12	002075	0023412388	Ngô Thị Thu	Ngân	ĐHCNSH23A	Tiếng Anh 3.58	
13	002076	0023410308	Nguyễn Phương	Nghi	ĐHGDMN23A	Tiếng Anh 3.58	
14	002077	0023413816	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	ĐHCNSH23A	Tiếng Anh 3.58	
15	002078	0024417135	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	ĐHSKHTN24D	Tiếng Anh 3.58	
16	002079	0023412986	Lê Thị Yến	Nhi	ĐHCNSH23A	Tiếng Anh 3.58	
17	002080	0023413273	Nguyễn Kim	Nhi	ĐHGDMN23E	Tiếng Anh 3.58	
18	002081	0024417242	Lê Tuyết	Nhi	ĐHSKHTN24D	Tiếng Anh 3.58	
19	002082	0024417075	Thái Thị Huỳnh	Như	ĐHSKHTN24D	Tiếng Anh 3.58	
20	002083	0024418861	Nguyễn Ngọc Bảo	Như	ĐHCNTT24D-IT	Tiếng Anh 3.58	
21	002084	0024419250	Nguyễn Yến	Như	ĐHCNTT24D-IT	Tiếng Anh 3.58	
22	002085	0024417441	Hồ Thị Mỹ	Quyên	ĐHCNTP24A	Tiếng Anh 3.58	
23	002086	0023414052	Lê Khả	Sang	ĐHCNSH23A	Tiếng Anh 3.58	
24	002087	0023412713	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	ĐHCNSH23A	Tiếng Anh 3.58	
25	002088	0024419016	Nguyễn Ngọc Khánh	Thị	ĐHCNTP24A	Tiếng Anh 3.58	
26	002089	0023410917	Nguyễn Ngọc	Thuận	ĐHGDMN23A	Tiếng Anh 3.58	
27	002090	0023413874	Trương Thị Thủy	Tiên	ĐHTQ23G	Tiếng Anh 3.58	
28	002091	0023413954	Bùi Thị Huỳnh	Trân	ĐHTQ23G	Tiếng Anh 3.58	
29	002092	0024417098	Nguyễn Long	Vũ	ĐHSKHTN24D	Tiếng Anh 3.58	

Tổng số thí sinh: 29



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI KẾT THÚC HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 1, 2, 3

Ngày 20/09/2025

PHÒNG THI SỐ: 72

- THỜI GIAN THI: 16h00'

- ĐỊA ĐIỂM THI: P.102 - Dãy B4

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI NGOẠI NGỮ

Stt	SBD	MSSV	Họ và tên		Lớp sinh viên	Lớp ngoại ngữ	Ghi chú
1	002093	0023410343	Thái Thị Tú	Anh	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.5	
2	002094	0023411726	Nguyễn Thị Lan	Anh	ĐHANH23B	Tiếng Trung 3.5	
3	002095	0023411396	Huỳnh Như	Băng	ĐHANH23B	Tiếng Trung 3.5	
4	002096	0023411669	Võ Như	Băng	ĐHANH23B	Tiếng Trung 3.5	
5	002097	0023412184	Nguyễn Nhựt	Duy	ĐHSANH23D	Tiếng Trung 3.5	
6	002098	0023411113	Nguyễn Thị	Hội	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.5	
7	002099	0023411567	Lê Minh	Huy	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.5	
8	002100	0023411686	Dương Thị Diễm	Loan	ĐHANH23B	Tiếng Trung 3.5	
9	002101	0023412445	Hoàng Trần Xuân	Mai	ĐHSANH23D	Tiếng Trung 3.5	
10	002102	0023410423	Phan Gia	Mạnh	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.5	
11	002103	0023411451	Lê Thị A	Nga	ĐHANH23B	Tiếng Trung 3.5	
12	002104	0023414021	Ngô Thị Ngọc	Ngà	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.5	
13	002105	0023410229	Phạm Thị Thanh	Ngân	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.5	
14	002106	0023410612	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	ĐHANH23A	Tiếng Trung 3.5	
15	002107	0023413445	Võ Nguyễn Thảo	Ngân	ĐHSANH23E	Tiếng Trung 3.5	
16	002108	0023412427	Phạm Hồng	Ngọc	ĐHSANH23D	Tiếng Trung 3.5	
17	002109	0023413532	Trần Như	Ngọc	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.5	
18	002110	0023411039	Nguyễn Phước	Nhân	ĐHANH23B	Tiếng Trung 3.5	
19	002111	0023411544	Tô Trúc	Nhi	ĐHANH23B	Tiếng Trung 3.5	
20	002112	0023411566	Phan Lê Thiên	Nhi	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.5	
21	002113	0023411809	Dương Thị Mỹ	Nhung	ĐHANH23B	Tiếng Trung 3.5	
22	002114	0023411872	Nguyễn Cao	Phong	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.5	
23	002115	0023410368	Nguyễn Yến	Phương	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.5	
24	002116	0023412712	Bùi Ngọc Lan	Phương	ĐHANH23C	Tiếng Trung 3.5	
25	002117	0023410576	Đinh Trung	Thành	ĐHSANH23B	Tiếng Trung 3.5	

Tổng số thí sinh: 25



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI KẾT THÚC HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 1, 2, 3

Ngày 20/09/2025

PHÒNG THI SỐ: 73

- THỜI GIAN THI: 16h00'

- ĐỊA ĐIỂM THI: P.103 - Dãy B4

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI NGOẠI NGỮ

Stt	SBD	MSSV	Họ và tên		Lớp sinh viên	Lớp ngoại ngữ	Ghi chú
1	002118	0023411668	Nguyễn Thị Mai	Thảo	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.5	
2	002119	0023412081	Vũ Minh	Thông	ĐHSANH23D	Tiếng Trung 3.5	
3	002120	0023410371	Nguyễn Anh	Thư	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.5	
4	002121	0023410850	Võ Thị Anh	Thư	ĐHSANH23B	Tiếng Trung 3.5	
5	002122	0023411557	Lê Phạm Minh	Thư	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.5	
6	002123	0023411517	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	ĐHSANH23B	Tiếng Trung 3.5	
7	002124	0023410299	Lý Quỳnh	Trâm	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.5	
8	002125	0023410157	Phan Lê Khiết	Tường	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.5	
9	002126	0023412783	Tổng Quốc Thanh	Vy	ĐHSANH23E	Tiếng Trung 3.5	
10	002127	0023412598	Lương Triều	Vỹ	ĐHSANH23D	Tiếng Trung 3.5	
11	002128	0023410008	Đặng Thị Như	Ý	ĐHSANH23B	Tiếng Trung 3.5	
12	002129	0023410095	Đặng Thị Như	Ý	ĐHSANH23B	Tiếng Trung 3.5	
13	002130	0023413875	Nguyễn Thị Tú	Anh	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.6	
14	002131	0023411109	Mai Ngọc	Ánh	ĐHSANH23B	Tiếng Trung 3.6	
15	002132	0023411278	Phạm Nguyễn Hoài	Bảo	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.6	
16	002133	0023410290	Trần Xuân	Đào	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.6	
17	002134	0023410326	Trần Ngọc	Diệp	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.6	
18	002135	0023411616	Trương Trần Tiết	Dur	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.6	
19	002136	0023412997	Dương Thùy	Dương	ĐHSANH23D	Tiếng Trung 3.6	
20	002137	0023411780	Phan Thị Ngọc	Hiếu	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.6	
21	002138	0023413904	Cao Thị Ngọc	Huy	ĐHSANH23E	Tiếng Trung 3.6	
22	002139	0023410189	Nguyễn Thị Huỳnh	Lê	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.6	
23	002140	0023413312	Nguyễn Bảo Gia	Minh	ĐHSANH23D	Tiếng Trung 3.6	
24	002141	0023410102	Đoàn Thảo	Ngân	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.6	
25	002142	0023410237	Huỳnh Thị Kim	Ngân	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.6	

Tổng số thí sinh: 25



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI KẾT THÚC HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 1, 2, 3

Ngày 20/09/2025

PHÒNG THI SỐ: 74

- THỜI GIAN THI: 16h00'

- ĐỊA ĐIỂM THI: P.104 - Dãy B4

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI NGOẠI NGỮ

Stt	SBD	MSSV	Họ và tên		Lớp sinh viên	Lớp ngoại ngữ	Ghi chú
1	002143	0023413495	Lê Thị Kim	Ngân	ĐHSANH23E	Tiếng Trung 3.6	
2	002144	0023413791	Nguyễn Thị Kim	Ngân	ĐHANH23E	Tiếng Trung 3.6	
3	002145	0023413995	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Nhân	ĐHANH23E	Tiếng Trung 3.6	
4	002146	0023411737	Trương Thị Tuyết	Nhung	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.6	
5	002147	0023413576	Nguyễn Thành	Phúc	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.6	
6	002148	0023412946	Trần Thị Nhã	Phương	ĐHANH23D	Tiếng Trung 3.6	
7	002149	0023413343	Phan Thị Uyên	Phương	ĐHANH23D	Tiếng Trung 3.6	
8	002150	0023411513	Nguyễn Thị Tú	Quyên	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.6	
9	002151	0023413711	Lê Phước	Sang	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.6	
10	002152	0023410292	Nguyễn Danh	Thi	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.6	
11	002153	0023410466	Nguyễn Thị Quỳnh	Thơ	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.6	
12	002154	0023410523	Lê Trần Bảo	Thời	ĐHSANH23B	Tiếng Trung 3.6	
13	002155	0023410790	Bùi Anh	Thư	ĐHSANH23B	Tiếng Trung 3.6	
14	002156	0023410213	Nguyễn Thị Thanh	Trà	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.6	
15	002157	0023411719	Nguyễn Thị Cẩm	Trình	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.6	
16	002158	0023412622	Trương Gia	Trình	ĐHSANH23D	Tiếng Trung 3.6	
17	002159	0023411443	Võ Cẩm	Tú	ĐHSANH23C	Tiếng Trung 3.6	
18	002160	0023412852	Nguyễn Thanh	Tú	ĐHSANH23E	Tiếng Trung 3.6	
19	002161	0023412788	Trương Minh	Tuệ	ĐHSANH23E	Tiếng Trung 3.6	
20	002162	0023410306	Tăng Khánh	Vân	ĐHSANH23A	Tiếng Trung 3.6	
21	002163	0023413550	Lê Thùy	Vương	ĐHQTKD23B	Tiếng Trung 3.6	
22	002164	0023414038	Trần Yên Ánh	Vy	ĐHANH23E	Tiếng Trung 3.6	
23	002165	0023410458	Trần Thị Mỹ	Xuyên	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.6	
24	002166	0023410463	Phạm Hà Anh	Thơ	ĐHSANH23F	Tiếng Trung 3.2	

Tổng số thí sinh: 24